

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS – ST
Ngày: 05 – 02 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Long;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Liên;
2. Ông Nguyễn Báu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Đại Phát – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên tòa:
Ông Trần Ngọc Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2020/TLST – DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST – DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐ – HPT ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở chính: 266 – 268 NK, Phường 08, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng: Ông Phạm Ngọc V, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ, phòng kiểm soát rủi ro của Ngân hàng – Chi nhánh Ninh Thuận (văn bản ủy quyền số: 135/2020/UQ – CNNT ngày 18 – 9 – 2020); có mặt.

Địa chỉ: số 757 đường Thống Nhất, phường KD, Thành Tp PR, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; vắng mặt.

Địa chỉ: thôn SH2, xã PD, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 – 11 – 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 06 – 11 – 2014 bà Nguyễn Thị T có ký với Ngân hàng A (gọi tắt là SACOMBANK) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được gọi chung là Hợp đồng) với bà Nguyễn Thị T. Ngân hàng cho bà T vay số tiền là 10.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, mục đích vay tiêu dùng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà T đã thực hiện mức giao dịch với tổng số tiền 10.932.526 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ khi kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền là 4.260.000 đồng. Số tiền này bao gồm cả gốc, lãi và phí

theo thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đã thiện chí và nhiều lần nhắc nhở bà T tuy nhiên bà T không có thiện chí trả nợ. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản tiền nợ của bà T sang nợ quá hạn và tính đến ngày 05 – 11 – 2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 05 – 02 – 2021 bà T còn nợ Ngân hàng tại thời điểm này là 11.114.049 đồng nợ gốc; tiền nợ lãi quá hạn là 26.660.667 đồng.

Để đảm bảo việc thu hồi nợ, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải có nghĩa vụ:

+ Thanh toán số tiền nợ gốc là 11.114.049 đồng, tiền lãi tính đến ngày 05 – 02 – 2021 là 26.660.667 đồng và kể từ ngày 06 – 02 – 2021 buộc bà T phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi bà T trả xong số tiền nợ gốc.

2. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án không nhận được văn bản thể hiện ý kiến cũng như yêu cầu của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn có ý thức chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chưa chấp hành vắng mặt không có lý do. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[1.1] . Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

2. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A (gọi tắt là SACOMBANK) đối với bà Nguyễn Thị T thấy:

2.1. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định được: Ngày 06 – 11 – 2014, Ngân hàng SACOMBANK và bà T đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện của các

bên, không bị lừa dối, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Nội dung, hình thức của hợp đồng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Như vậy, hợp đồng này là hợp pháp.

2.2. Về nội dung vụ án:

Vào ngày 06 – 11 – 2014 bà Nguyễn Thị T có ký với SACOMBANK hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng). Căn cứ vào mức thu nhập của bà T SACOMBANK đã cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Từ khi kích hoạt thẻ đến nay bà T mới thanh toán cho SACOMBANK được số tiền là 4.260.000 đồng. Số tiền này bao gồm cả gốc, lãi và phí theo thỏa thuận giữa hai bên. Ngân hàng SACOMBANK đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng SACOMBANK là không thực hiện đúng nghĩa vụ như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng.

2.3 Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng SACOMBANK tính lãi suất phát sinh đến thời điểm xét xử là ngày 05 – 02 – 2021 và yêu cầu bà T phải trả số tiền 37.746.670 đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 11.114.049 đồng; tiền nợ lãi quá hạn là 26.660.667 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày 06 – 02 – 2021 cho đến khi trả xong nợ vay với Ngân hàng SACOMBANK.

Xét hợp đồng tín dụng giữa bà Nguyễn Thị T với SACOMBANK ngày 06 – 11 – 2014 theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” là hình thức cho vay nợ theo hạn mở tài sản thẻ, hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mức vay tiêu dùng cá nhân. Biện pháp bảo đảm theo hình thức tín chấp. Lãi suất tại thời điểm cho vay là 2.5%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà T đã thực hiện mức giao dịch với tổng số tiền 10.932.526 đồng. Từ khi kích hoạt thẻ đến nay bà T mới thanh toán cho SACOMBANK được số tiền là 4.260.000 đồng. Số tiền này bao gồm cả gốc, lãi và phí theo thỏa thuận giữa hai bên. Tuy nhiên, do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 05 – 11 – 2015 SACOMBANK đã chuyển toàn bộ khoản nợ gốc sang nợ quá hạn và tiến hành khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà T phải trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi còn thiếu theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cũng như buộc bà T phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với SACOMBANK kể từ tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ vay là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những sự phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng SACOMBANK đối với bà T. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

Về án phí: Buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng SACOMBANK không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 90, Điều 208, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 323, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

1. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử hôm nay (05 – 02 – 2021) là: 37.746.670 đồng (Ba mươi bảy triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi) đồng, trong đó, tiền nợ gốc là: 11.386.872 (Mười một triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi hai) đồng; tiền nợ lãi quá hạn là: 26.660.667 (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

2. Kể từ ngày 06 – 02 – 2021, buộc bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi bà Nguyễn Thị T thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 1.887.333 (Một triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, ba trăm ba mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền 895.000 (Tám trăm chín mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0023590 lập ngày 01 – 12 – 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam (Do Lê Thị Minh nộp).

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Ngân hàng A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05 – 02 – 2021). Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Long

